

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



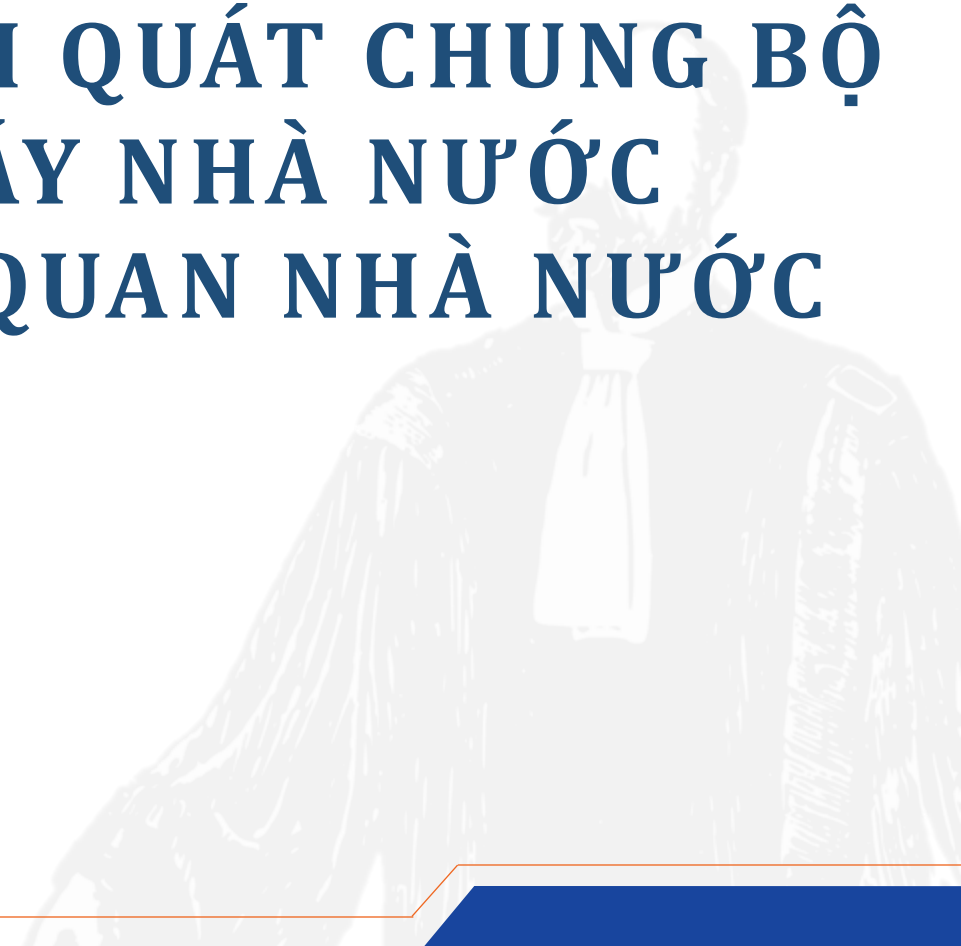
NỘI DUNG TỔNG QUÁT

**1. Khái quát chung bộ máy Nhà nước
– Cơ quan nhà nước**

2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. KHÁI QUÁT CHUNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC – CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



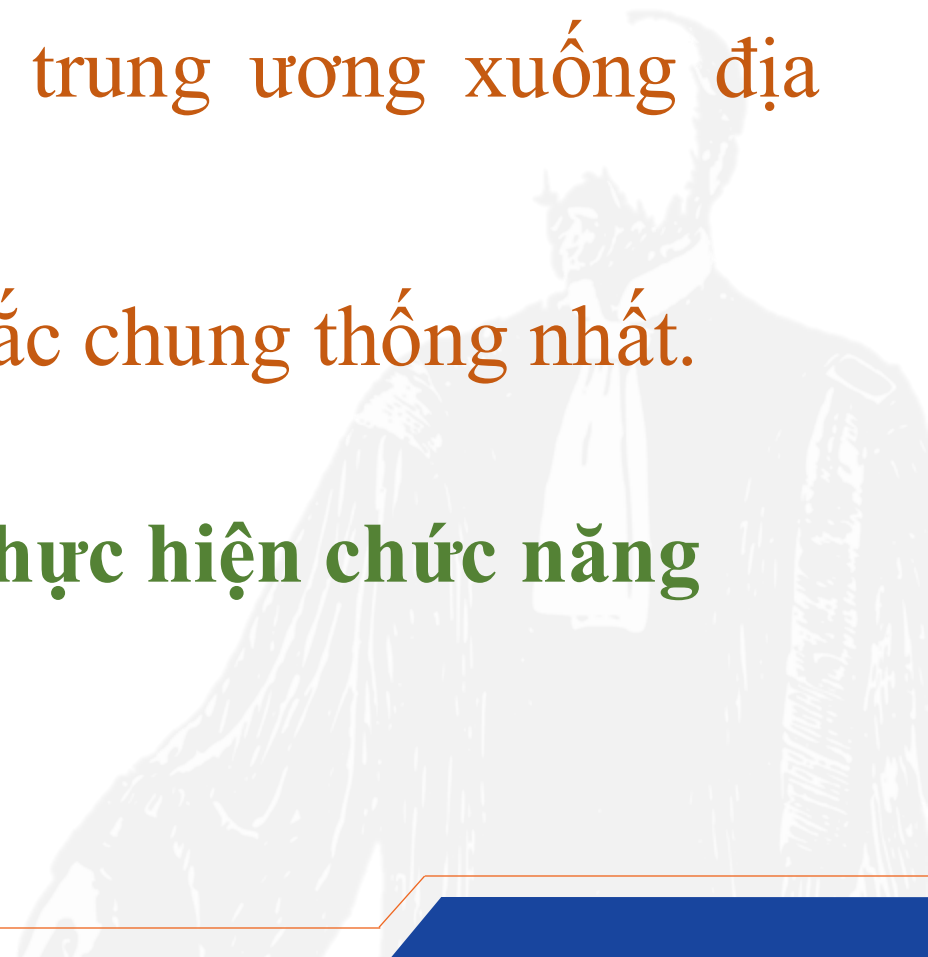
Khái niệm bộ máy nhà nước

Là Chủ thể thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

Gồm hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống địa phương.

Tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung thống nhất.

 **Tạo thành một cơ chế đồng bộ để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước.**



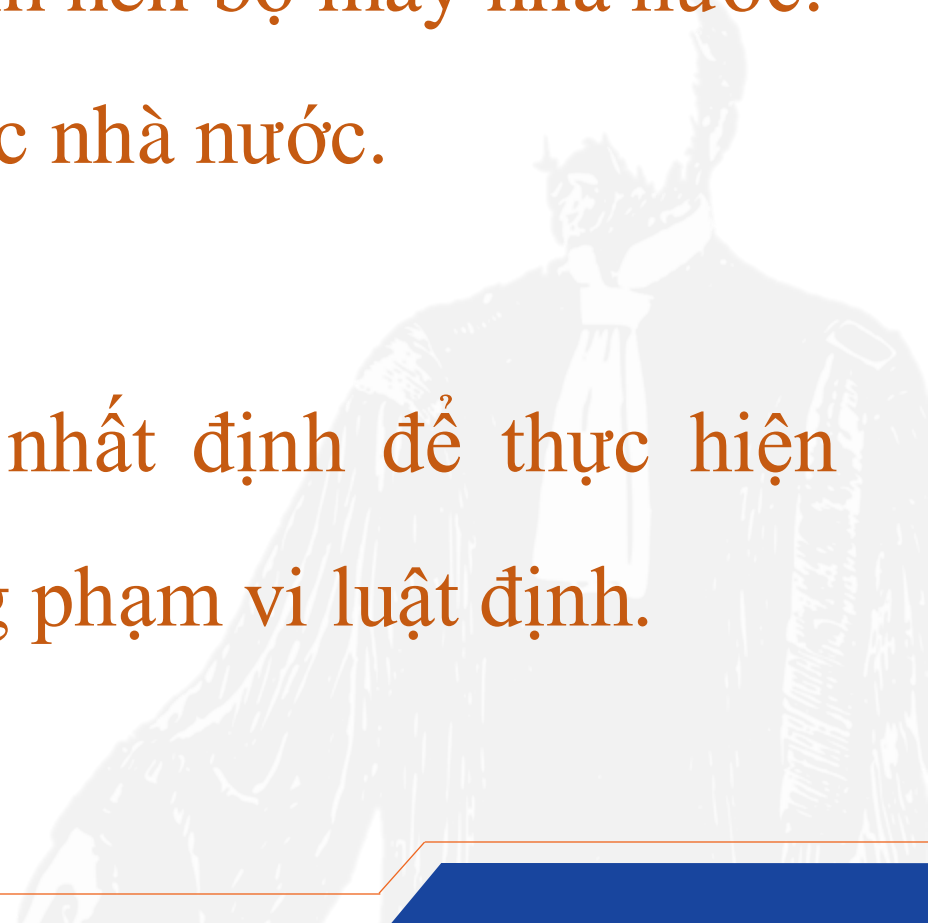
Khái niệm cơ quan nhà nước

Cơ quan nhà nước là một bộ phận cấu thành nên bộ máy nhà nước.

Đó là một tổ chức chính trị mang quyền lực nhà nước.

Được thành lập trên cơ sở pháp luật.

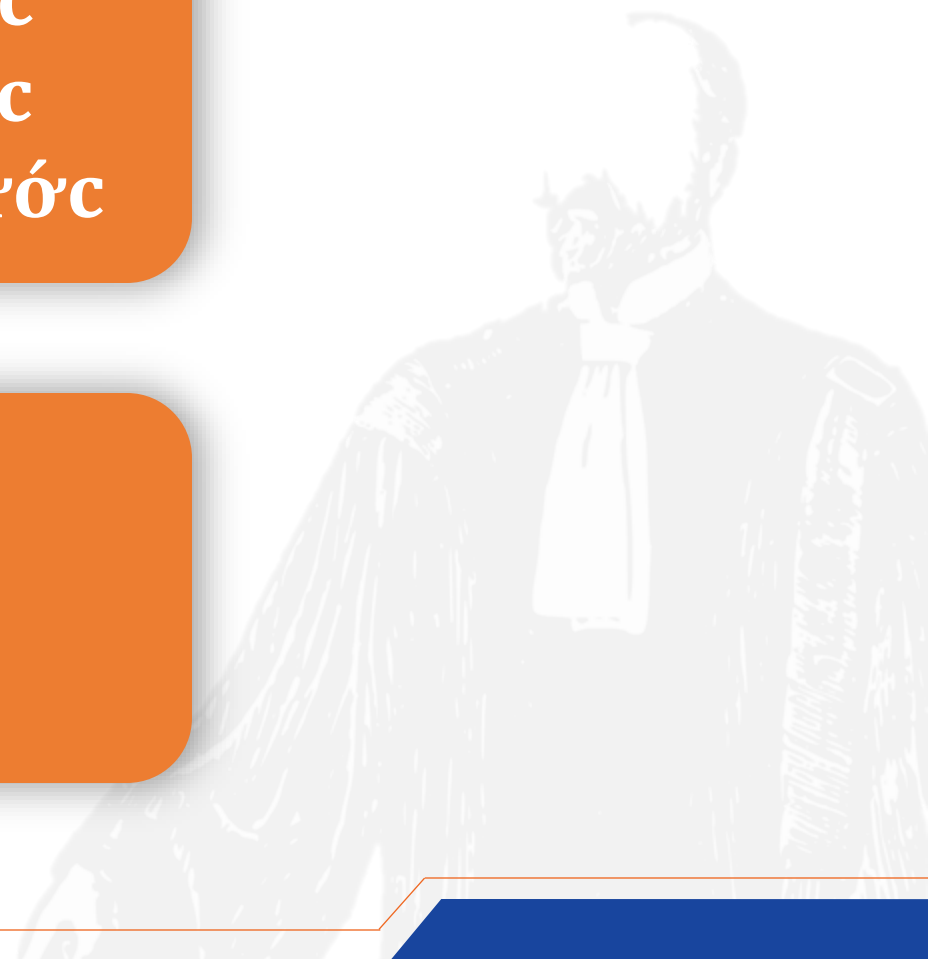
Được giao những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của nhà nước trong phạm vi luật định.



Phân loại cơ quan nhà nước

Căn cứ vào hình thức
pháp lý của việc thực
hiện quyền lực nhà nước

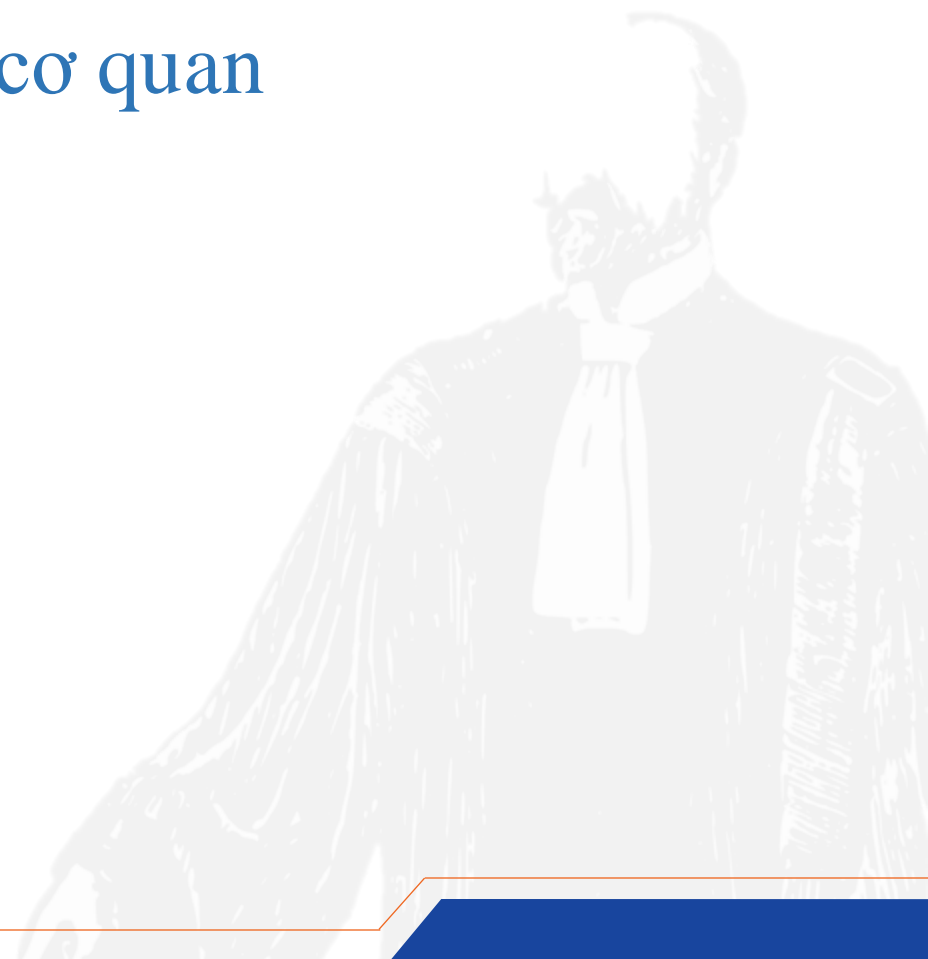
Căn cứ cấp độ
thẩm quyền



Căn cứ vào hình thức pháp lý của việc thực hiện quyền lực nhà nước

Bộ máy Nhà nước chia thành 04 hệ thống cơ quan

- + Các cơ quan quyền lực nhà nước
- + Các cơ quan quản lý nhà nước
- + Các cơ quan xét xử
- + Các cơ quan kiểm sát



Căn cứ cấp độ thẩm quyền

- + Các cơ quan nhà nước Trung ương
- + Các cơ quan nhà nước địa phương



BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



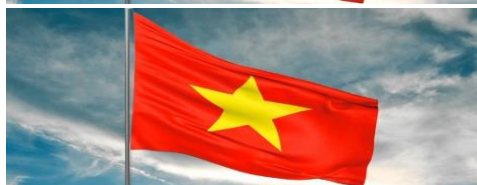
Đặc điểm Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Được hợp thành bởi hệ thống các cơ quan hành pháp - lập pháp - tư pháp từ trung ương đến địa phương.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước (Khoản 3- Điều 2- Hiến pháp 2013).
- Mang quyền lực công cộng đặc biệt, có tính cưỡng chế.
- Đội ngũ công chức, viên chức đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam



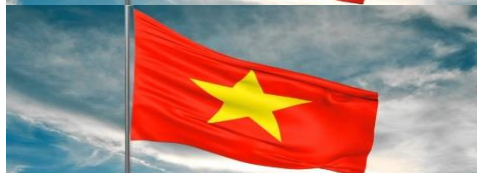
Nguyên tắc Đảng lãnh đạo



Nguyên tắc quyền lực NN là thống nhất



Nguyên tắc tập trung dân chủ

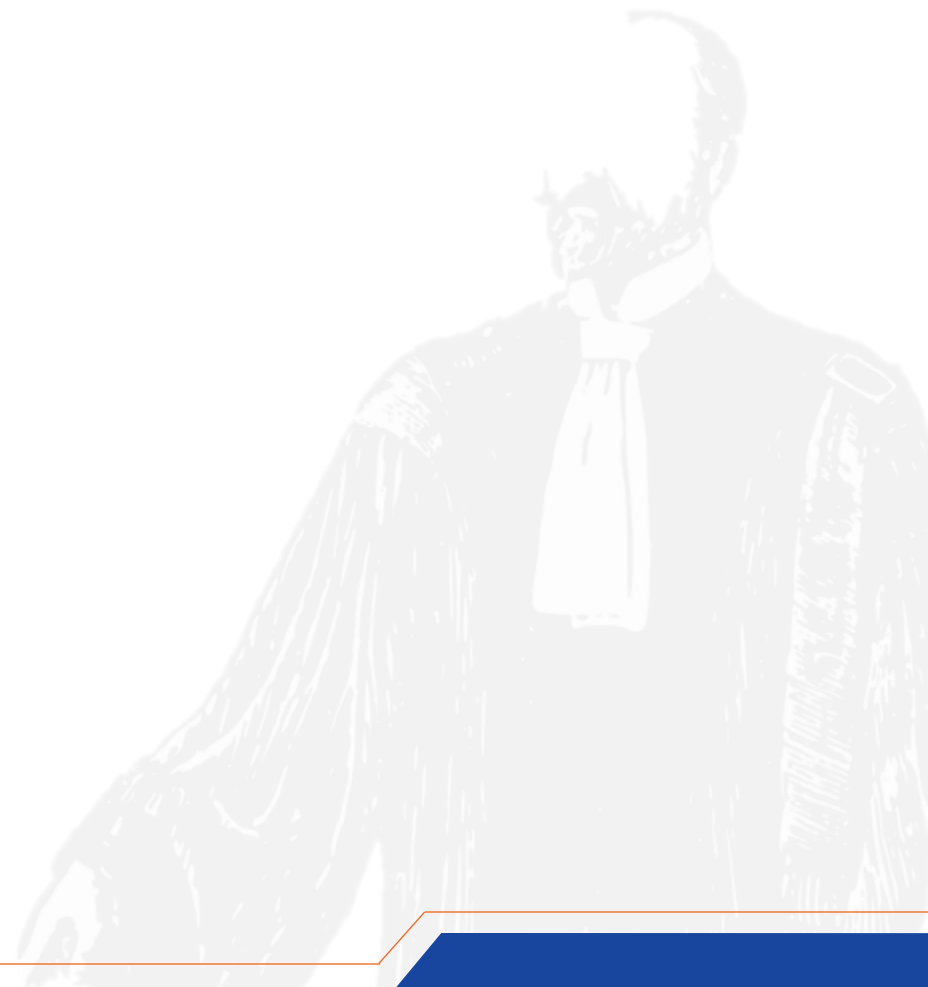


Nguyên tắc NN được tổ chức, hoạt động theo HP, PL



Nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc

1. Quốc hội

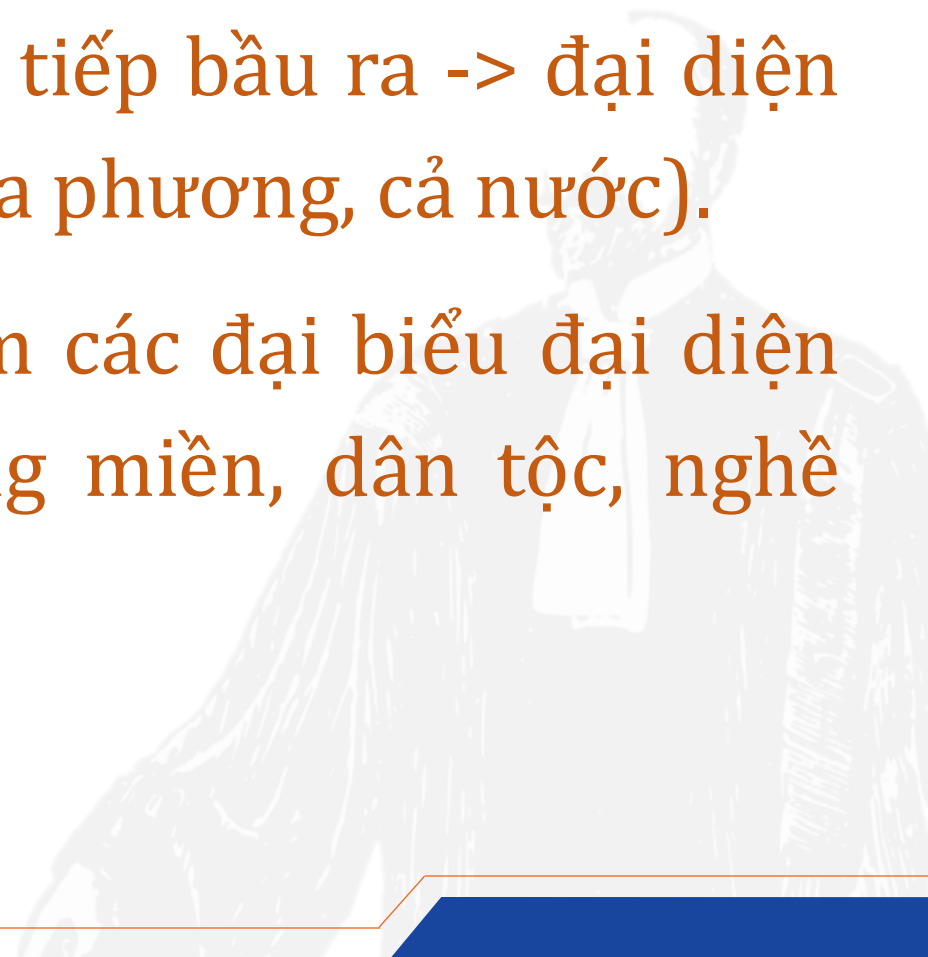


Vị trí pháp lý

Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân

Cách thành lập: Do cử tri cả nước trực tiếp bầu ra -> đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân (địa phương, cả nước).

Cơ cấu, thành phần đại biểu QH: gồm các đại biểu đại diện cho cơ cấu xã hội trong cả nước: vùng miền, dân tộc, nghề nghiệp, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo.....

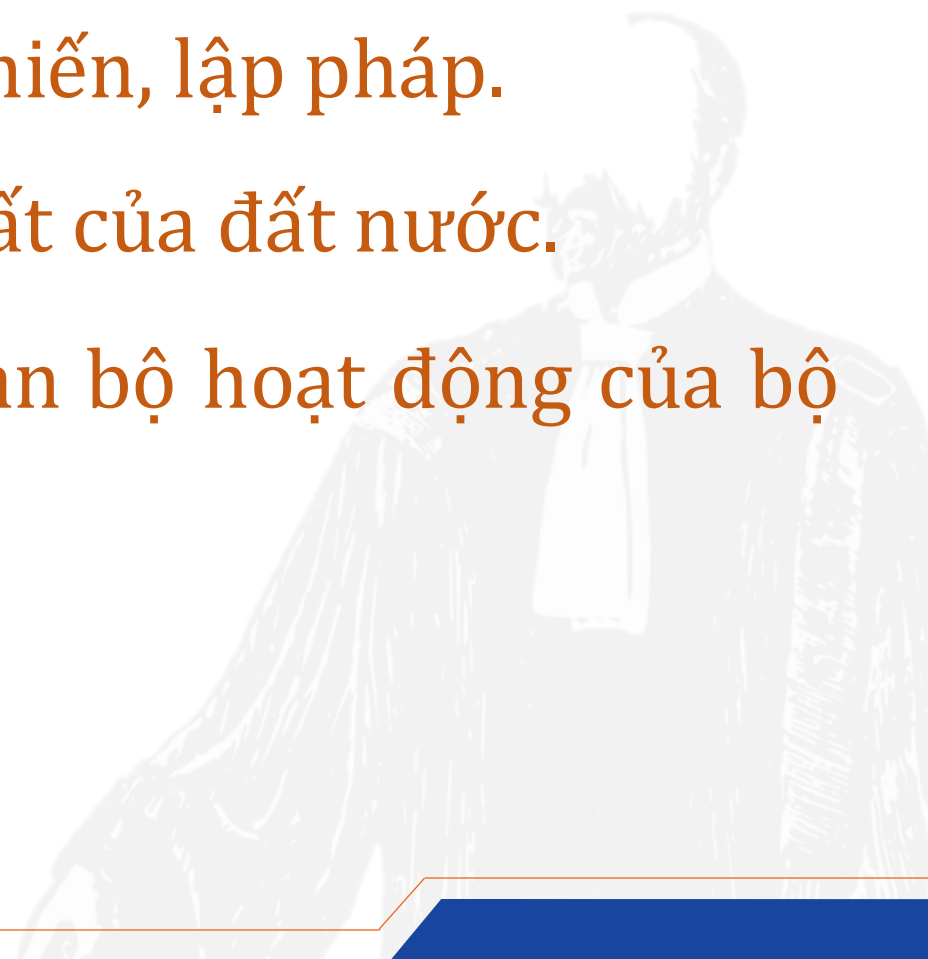


Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất

Được thể hiện thông qua chức năng lập hiến, lập pháp.

Quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước.

Thực hiện quyền giám sát tối cao về toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.



Chức năng, nhiệm vụ

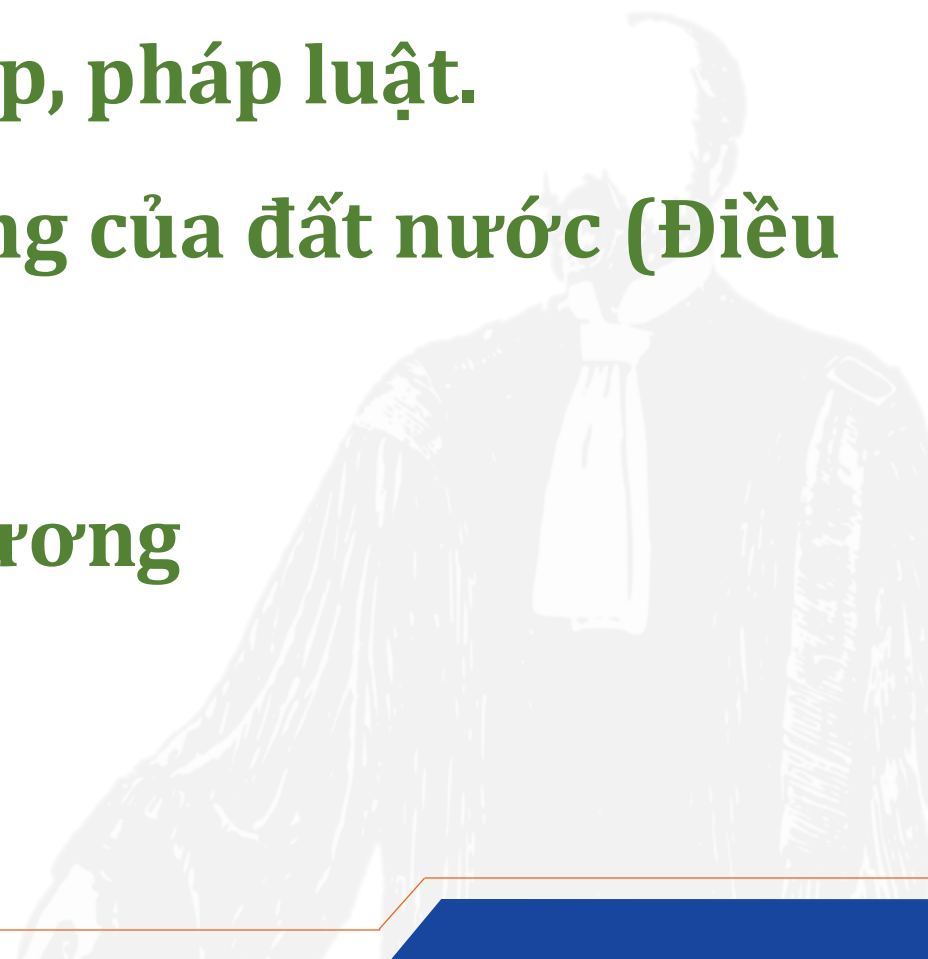
1. Lập Hiến, lập pháp

Thông qua, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, pháp luật.

2. Quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước (Điều 70 – Hiến Pháp)

3. Thành lập các cơ quan NN ở trung ương

4. Giám sát tối cao



Cơ cấu tổ chức của Quốc hội

**Ủy ban thường vụ
Quốc hội**

Hội đồng dân tộc

**Các Ủy ban chuyên
môn**

- Là cơ quan thường trực của QH. Tổ chức, chủ trì những hoạt động của QH. Giải quyết những vấn đề cần thiết, cấp bách trong thời gian QH không họp
- Nghiên cứu và kiến nghị với QH về công tác dân tộc và giám sát việc thi hành chính sách DT, chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số
- Thẩm tra, kiến nghị dự án Luật. Thực hiện quyền giám sát trong phạm vi luật định..

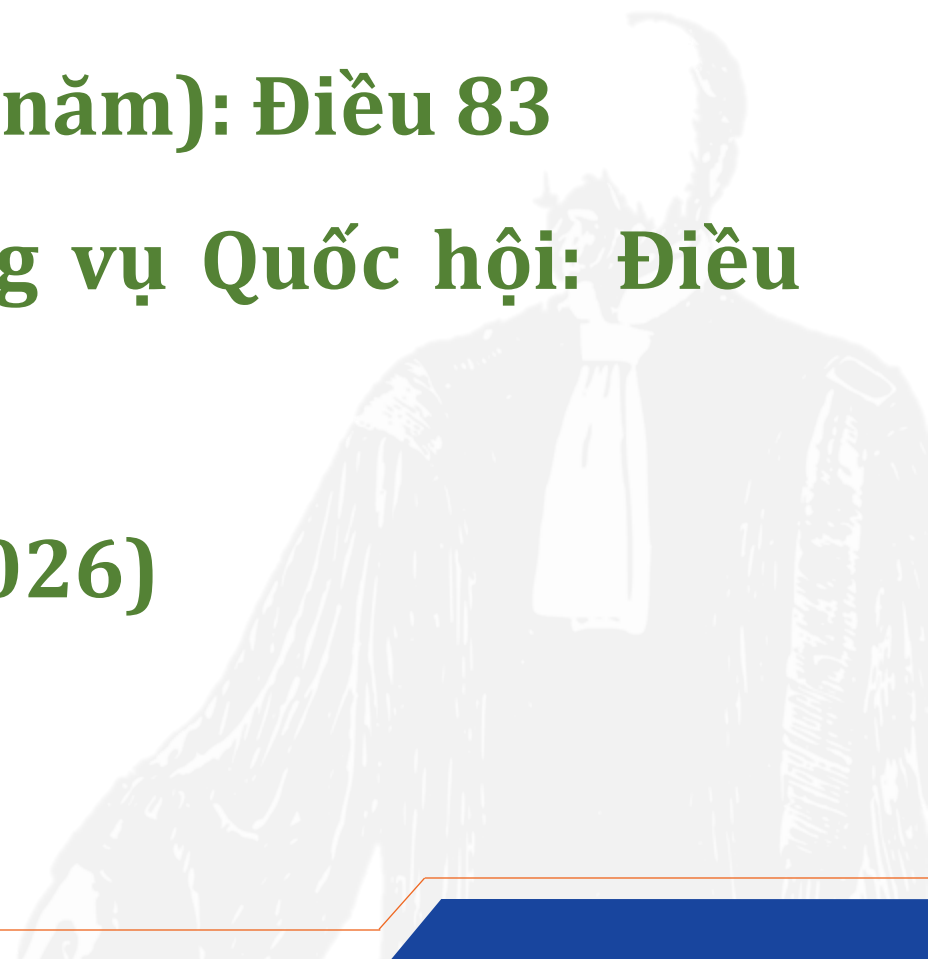
Các vấn đề khác

Nhiệm kỳ: 5 năm – Điều 71

Hoạt động thông qua các kỳ họp (2 kỳ/năm): Điều 83

Cơ quan thường trực: Ủy ban thường vụ Quốc hội: Điều 73,74

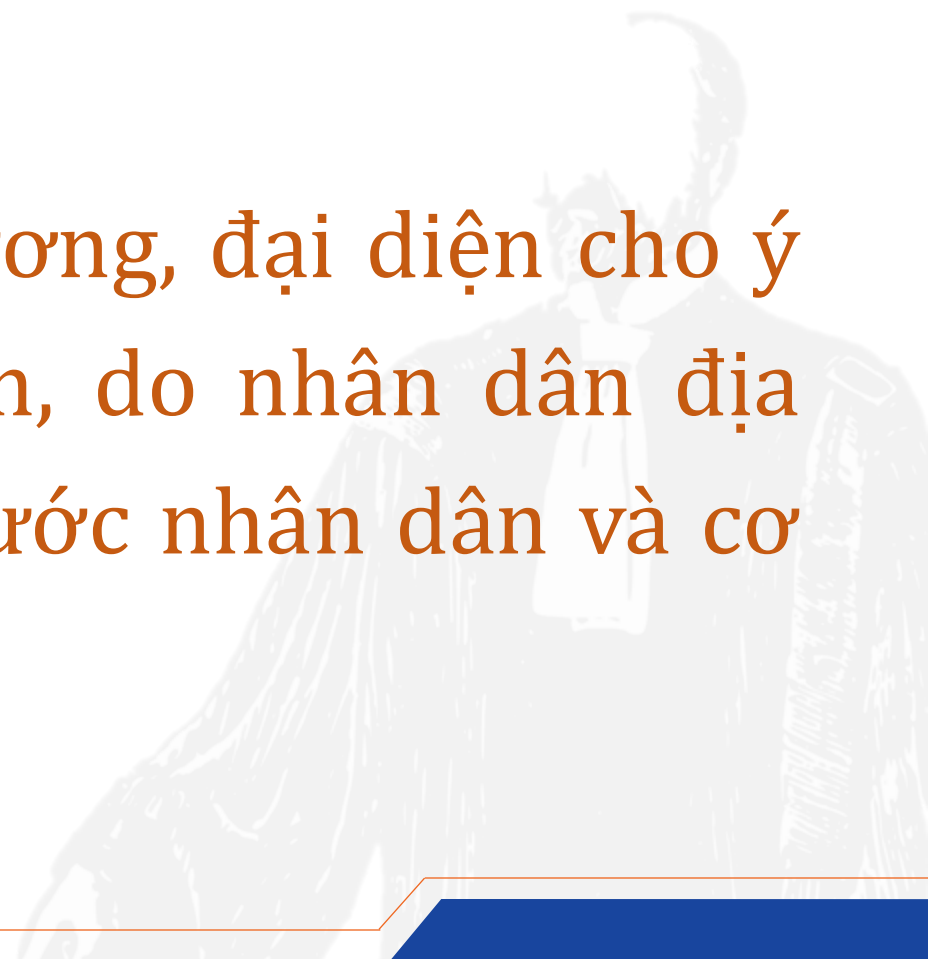
Hiện nay là Quốc hội khóa XV (2021-2026)



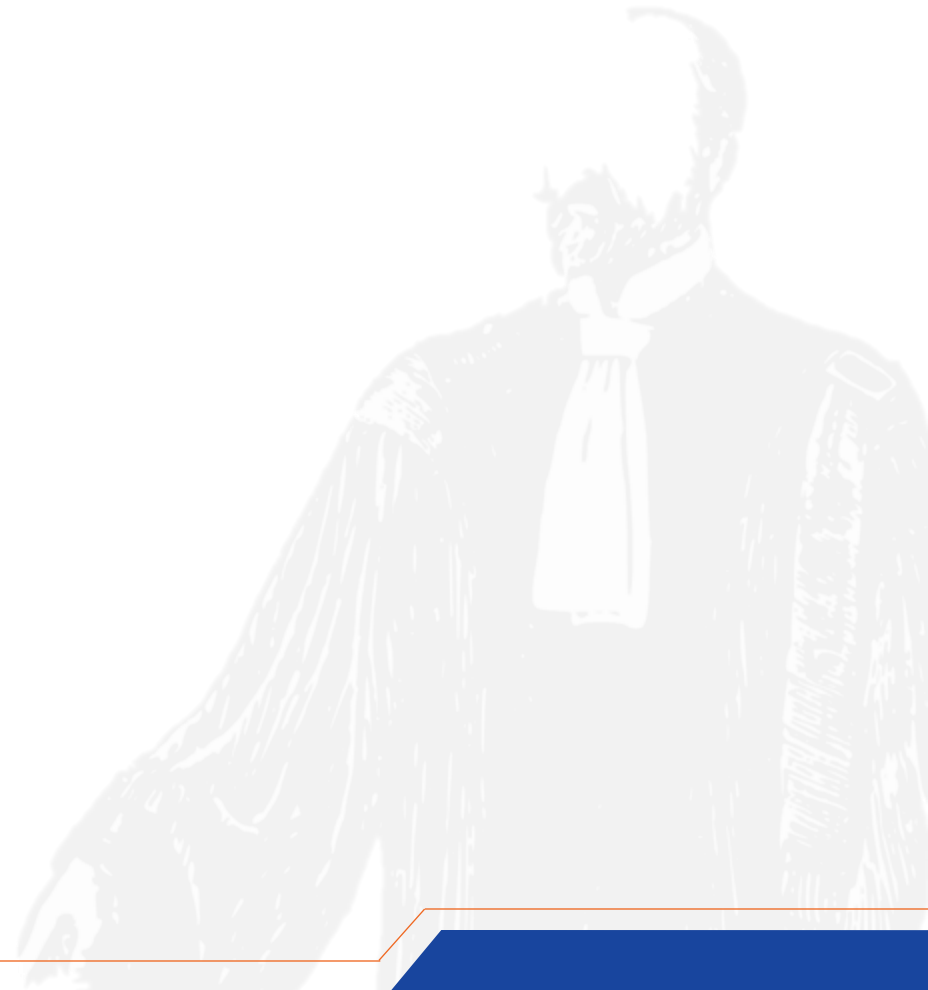
2. Hội đồng nhân dân các cấp

Vị trí pháp lý: Điều 113 Hiến pháp, Điều 6 Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2015.

Là cơ quan quyền lực NN ở địa phương, đại diện cho ý chí và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan NN cấp trên.



3. Chủ tịch nước



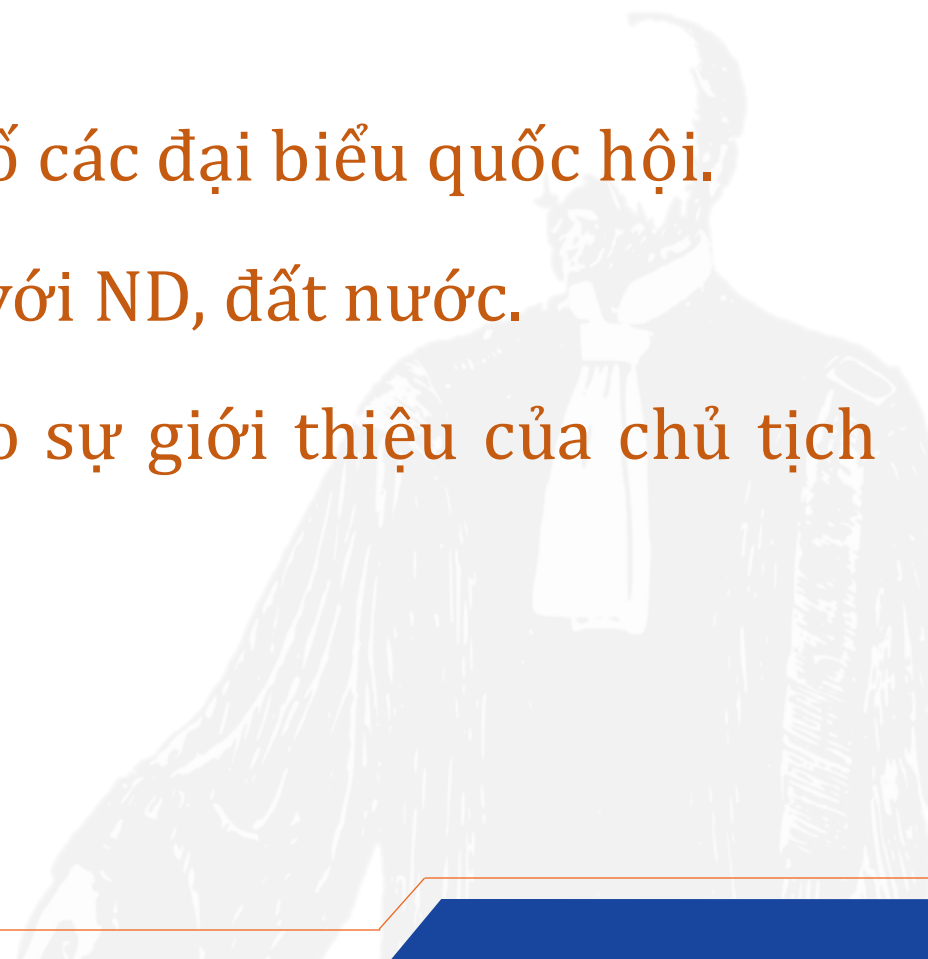
Vị trí pháp lý

Là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nhà nước trong các việc đối nội và đối ngoại

- **Chủ tịch nước** do **Quốc hội bầu ra** trong số các đại biểu quốc hội.
- Sau khi được bầu sẽ tuyên thệ trung thành với ND, đất nước.
- Phó chủ tịch nước được quốc hội bầu theo sự giới thiệu của chủ tịch nước.

Nhiệm kỳ: Theo nhiệm kỳ quốc hội

Chịu trách nhiệm và báo cáo trước quốc hội.



Nhiệm vụ

Nhóm 1: Liên quan đến lĩnh vực lập pháp

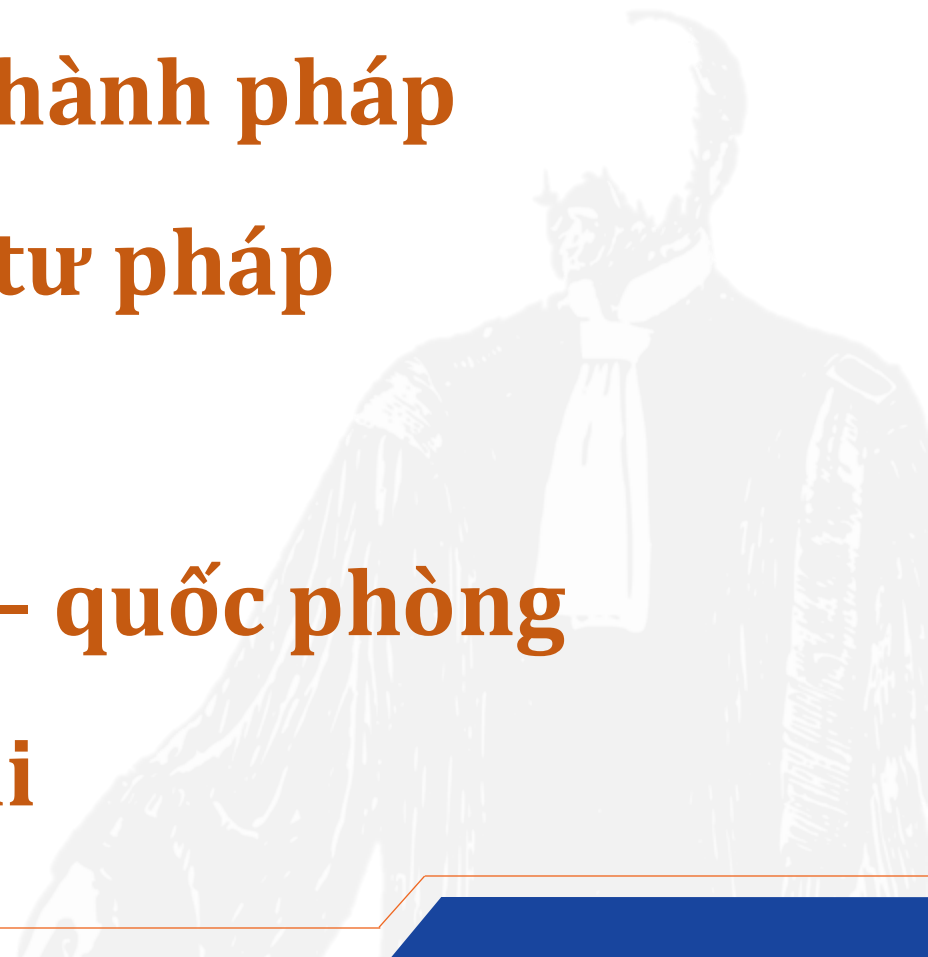
Nhóm 2: Liên quan đến lĩnh vực hành pháp

Nhóm 3: Liên quan đến lĩnh vực tư pháp

Nhóm 4: Trong lĩnh vực đối nội

Nhóm 5: Trong lĩnh vực an ninh – quốc phòng

Nhóm 6: Trong lĩnh vực đối ngoại



4. Chính phủ

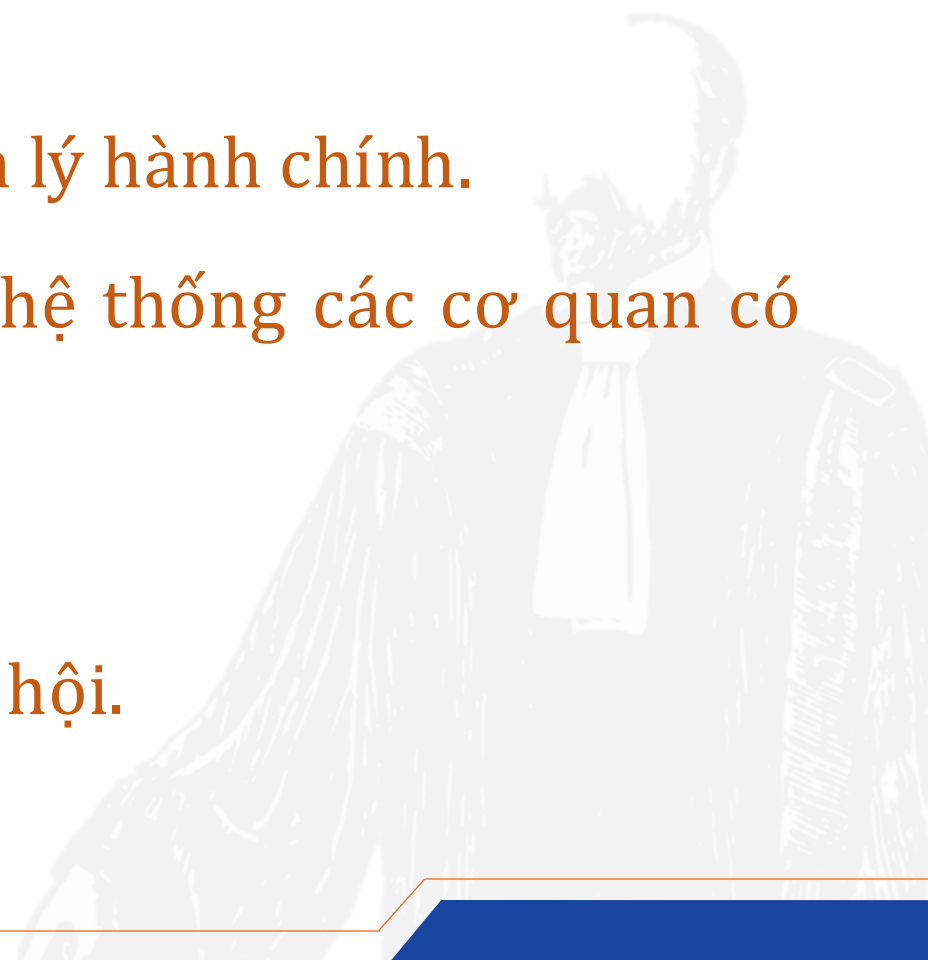
Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam và là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ thực hiện chức năng điều hành, quản lý hành chính.

Chính phủ là cơ quan quản lý cao nhất trong hệ thống các cơ quan có chức năng quản lý.

Chính phủ do **quốc hội** bầu ra.

Chính phủ chịu sự giám sát hoạt động của quốc hội.



4. Chính phủ

*** Là cơ quan hành chính cao nhất của nước CHXHCN VN**

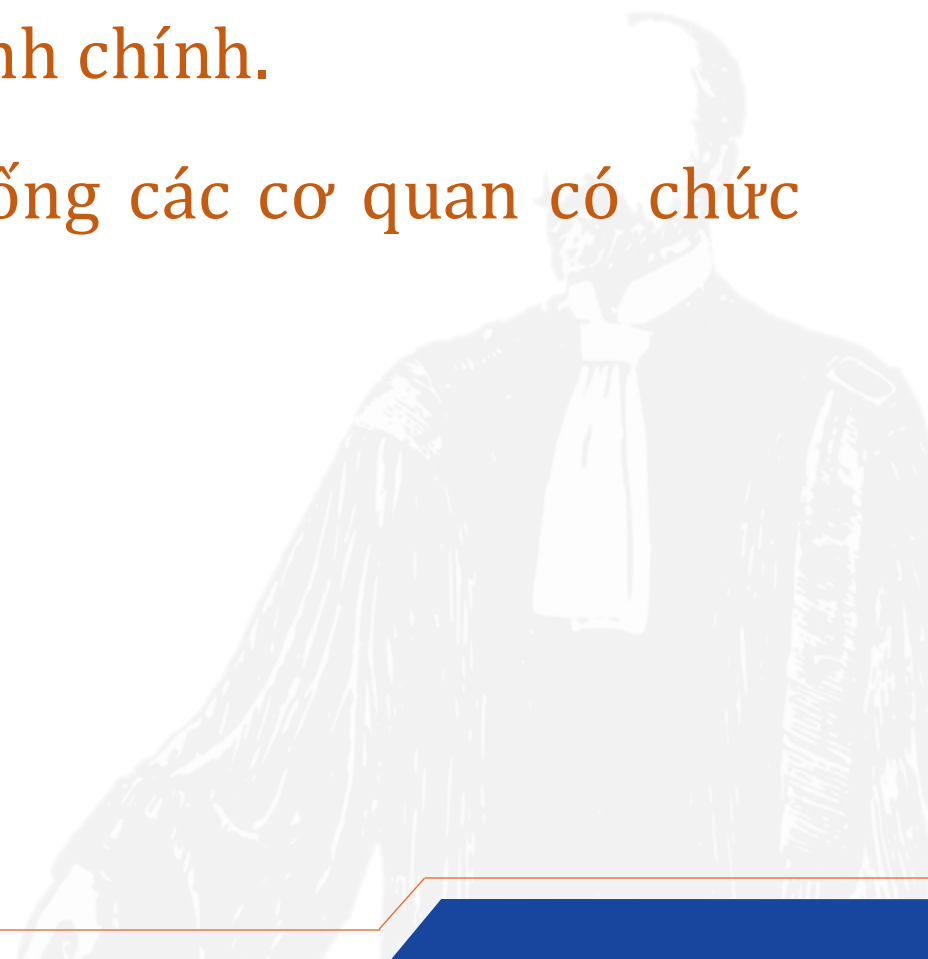
- CP thực hiện chức năng điều hành, quản lý hành chính.
- CP là cơ quan quản lý cao nhất trong hệ thống các cơ quan có chức năng quản lý

*** Là cơ quan chấp hành của Quốc Hội**

CP do QH lập ra.

CP chấp hành VBQPPL của QH.

CP chịu sự giám sát hoạt động của QH.

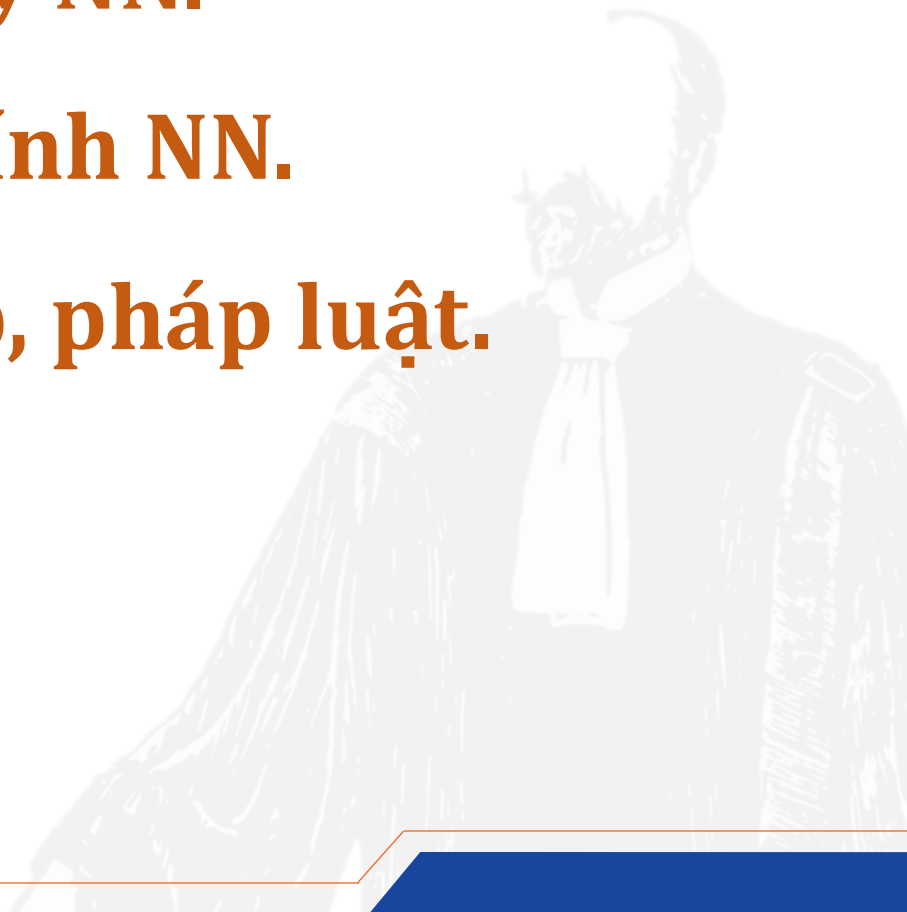


Nhiệm vụ

Quyết định các chính sách quản lý NN.

Tổ chức, quản lý bộ máy hành chính NN.

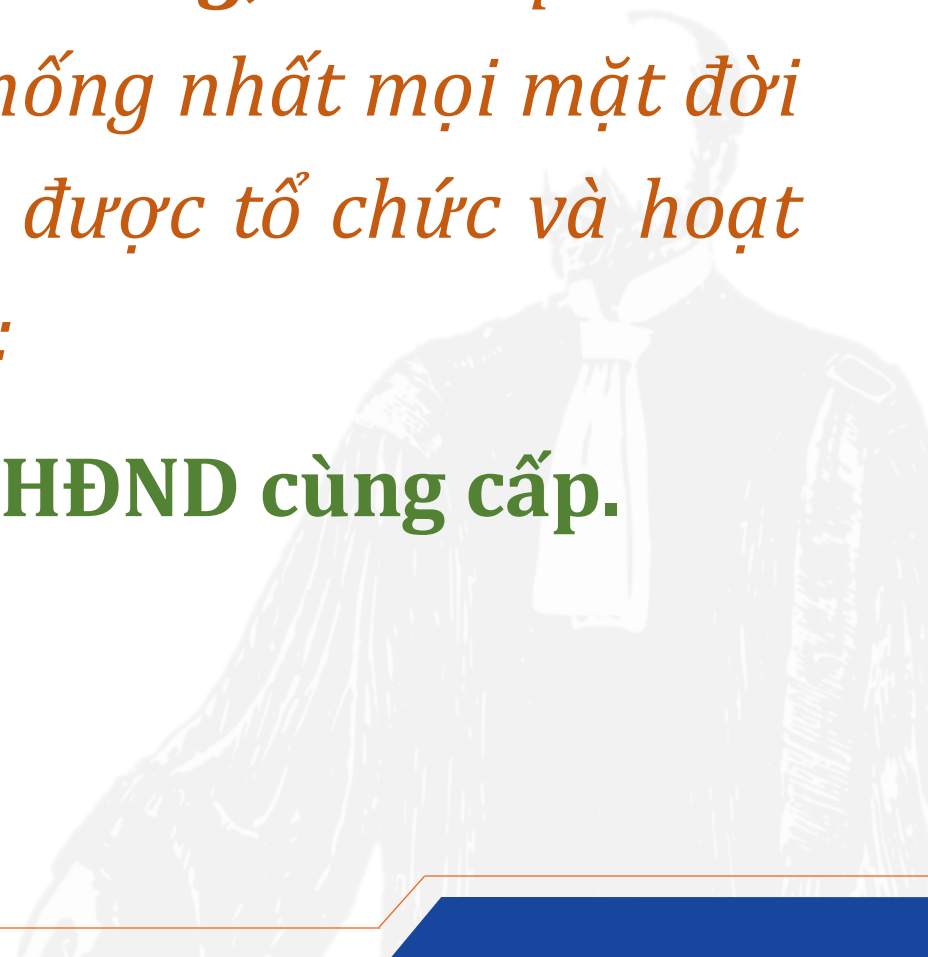
Đảm bảo việc thi hành Hiến pháp, pháp luật.



5. Ủy ban nhân dân các cấp

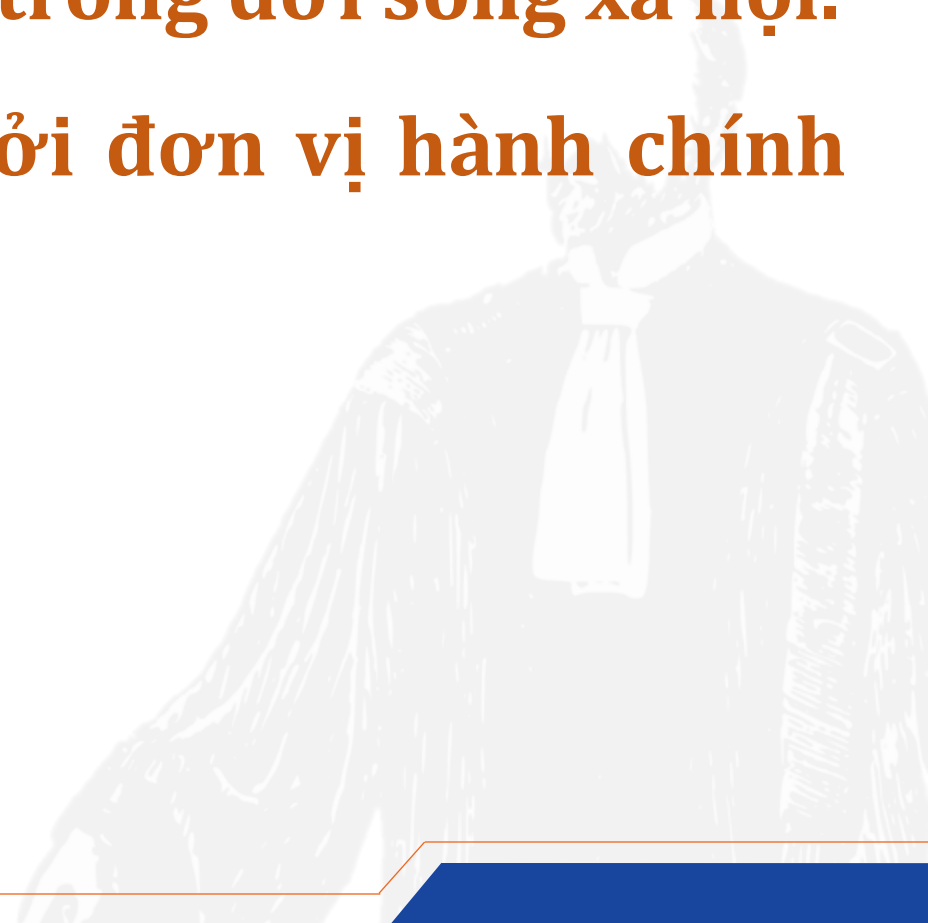
Là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, là cơ quan có thẩm quyền chung, thực hiện sự quản lý thống nhất mọi mặt đời sống xã hội ở địa phương. UBND các cấp được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc hai chiều phụ thuộc :

Phụ thuộc cơ quan quản lý cấp trên và HĐND cùng cấp.



Chức năng, nhiệm vụ

- UBND quản lý tất cả những lĩnh vực trong đời sống xã hội.
- Hoạt động của UBND bị giới hạn bởi đơn vị hành chính lãnh thổ.

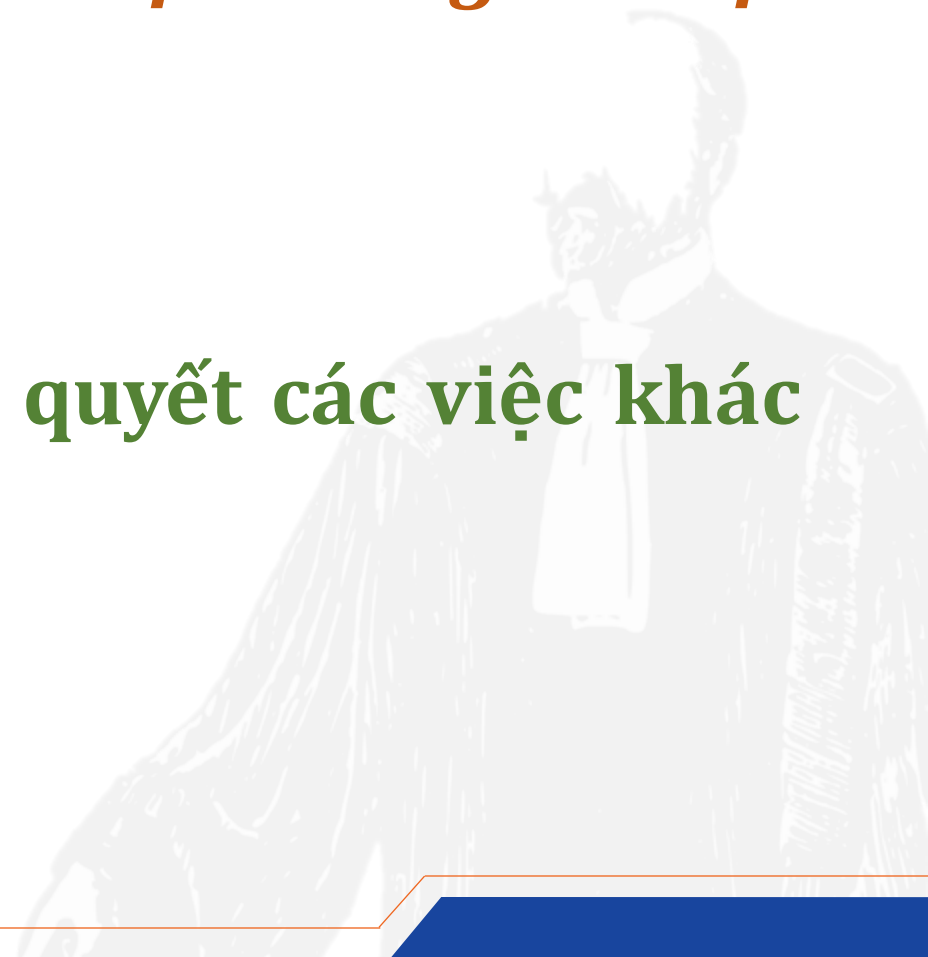


Toà án nhân dân các cấp

Là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

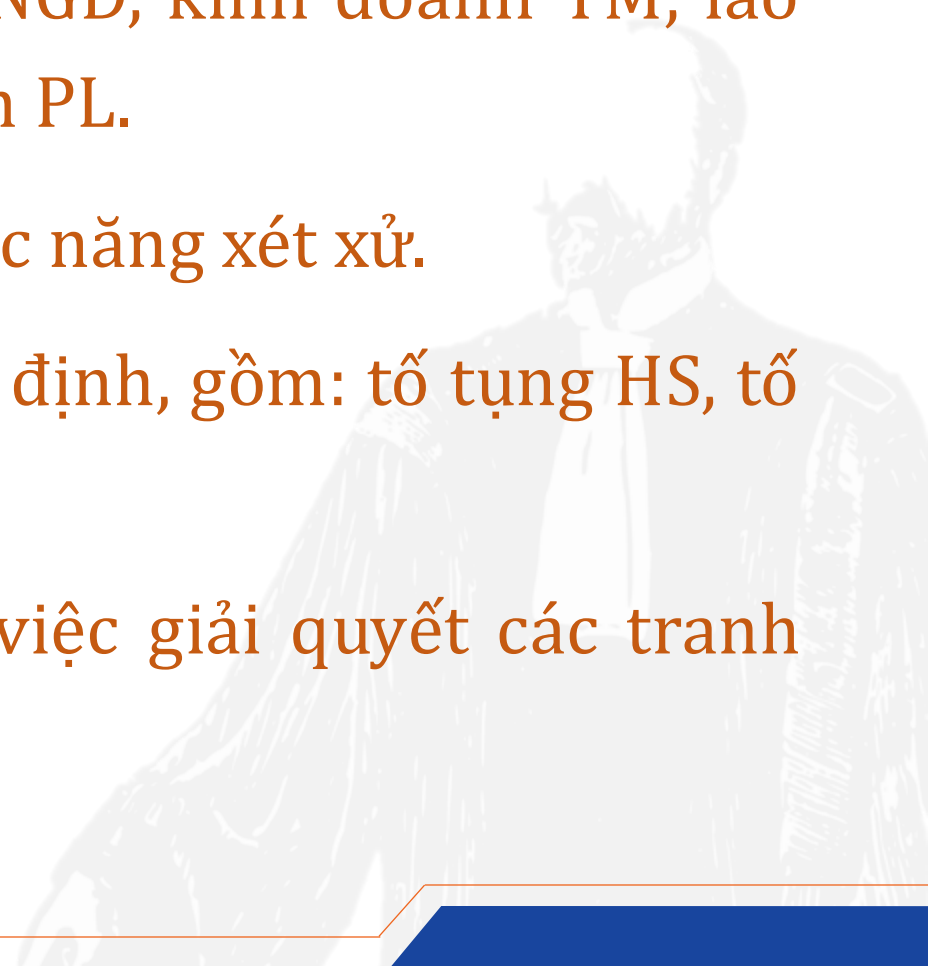
Thực hiện quyền tư pháp

Chức năng của Tòa án: Xét xử và giải quyết các việc khác theo quy định pháp luật



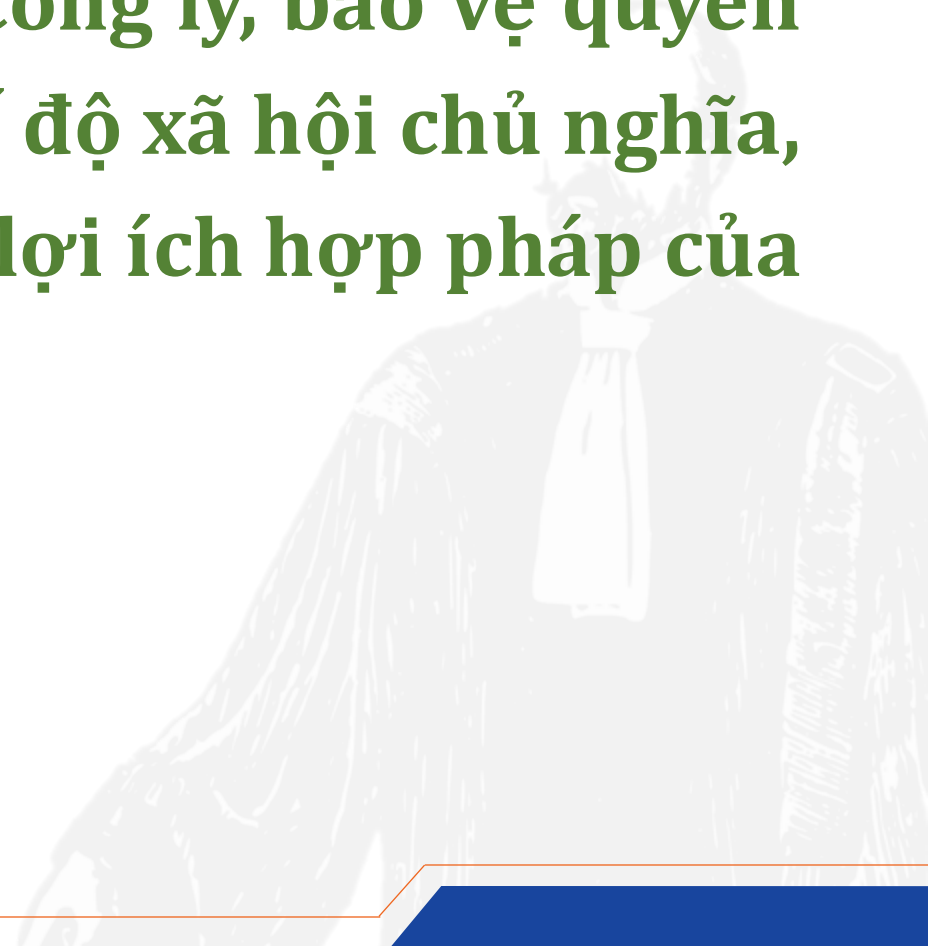
Đặc điểm chức năng xét xử của Tòa án:

- Phạm vi xét xử rất rộng: Hình sự, Dân sự, HNGD, kinh doanh TM, lao động, hành chính và các việc khác theo quy định PL.
- Chỉ có TA mới nhân danh NN để thực hiện chức năng xét xử.
- Phải theo trình tự, thủ tục chặt chẽ do PL quy định, gồm: tố tụng HS, tố tụng Dân sự, TT hành chính.
- Là phương án cuối cùng và cao nhất trong việc giải quyết các tranh chấp.



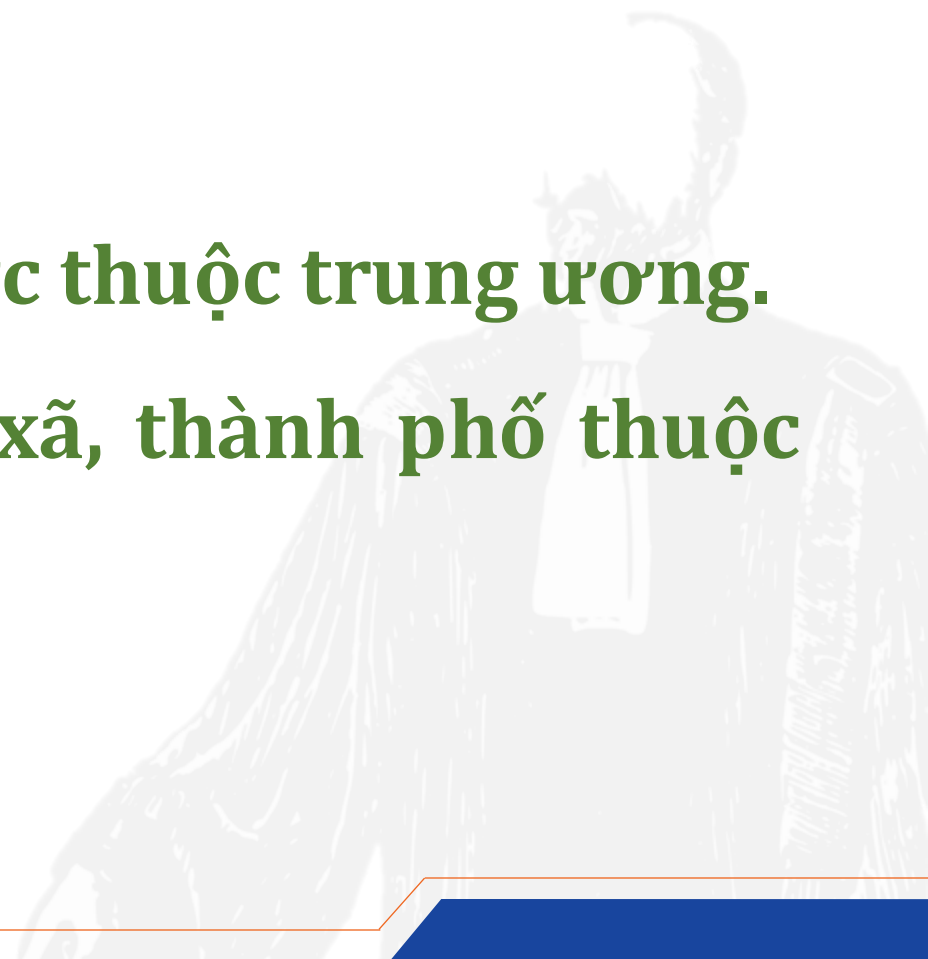
Nhiệm vụ

Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



Hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân

1. Tòa án nhân dân tối cao.
2. Tòa án nhân dân cấp cao.
3. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
4. Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.
5. Tòa án quân sự.



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CÁC CẤP

Giữ một vị trí tương đối độc lập trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Có chức năng:

- * Thực hiện quyền công tố
- * Kiểm soát hoạt động tư pháp



Nhiệm vụ

Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Hệ thống tổ chức

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh).
4. Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện).
5. Viện kiểm sát quân sự các cấp.